**\* Mức phạt đối với các lỗi vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
| 1 | Không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng | điểm a, khoản 1, Điều 17 | 80.000 - 100.000đ |
| 2 | Gắn biển số không đúng quy định; biển số không rõ chữ, số; biển số bị bẻ cong, bị hỏng | điểm b, khoản 1, Điều 17 | 80.000 - 100.000đ |
| 3 | Sử dụng còi không đúng quy chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe | điểm a, khoản 2, Điều 17 | 100.000 - 200.000đ |
| 4 | Không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không bảo đảm | điểm b, khoản 2, Điều 17 | 100.000 - 200.000đ |
| 5 | Không có đèn chiếu sáng gần, xa hoặc có nhưng không có tác dụng | điểm c, khoản 2, Điều 17 | 100.000 - 200.000đ |
| 6 | Không gắn biển số; gắn biển số không đúng với biển số đăng ký ghi trong Giấy đăng ký xe; biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp | điểm c, khoản 3, Điều 17 | 300.000 - 400.000đ;  tịch thu biển số không đúng quy định |
| 7 | Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông | điểm b, khoản 4, Điều 17 | 800.000 - 1.000.000đ;  tịch thu  xe và giữ GPLX 02 tháng |

**\* Mức phạt đối với các lỗi vi phạm về tốc độ, đua xe, lạng lách đánh võng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
| 1 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h | điểm c, khoản 3, Điều 6 | 100.000 - 200.000đ |
| 2 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h | điểm a, khoản 5, Điều 6 | 500.000 - 1 triệuđồng |
| 3 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h | điểm đ, khoản 6, Điều 6 | 2 - 3 triệu đồng |
| 4 | Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông | điểm c, khoản 6, Điều 6 | 2 - 3 triệu đồng;  giữ GPLX 2 tháng |
| 5 | Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 xe trở lên | điểm b, khoản 2, Điều 6 | 80.000 - 100.000đ |
| 6 | Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông | điểm đ, khoản 4, Điều 6 | 200.000 - 400.000đ |
| 7 | Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị | điểm b, khoản 7, Điều 6 | 5 - 7 triệu đồng;  giữ GPLX 2 tháng |
| 8 | Điều khiển xe thành nhóm từ 2 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định | điểm d, khoản 7, Điều 6 | 5 - 7 triệu đồng;  giữ GPLX 2 tháng |
| 9 | Đua xe mô tô trái phép | khoản 2, Điều 34 | 10 -20 triệu đồng;  giữ GPLX 04 tháng và tịch thu phương tiện. |

**\* Mức phạt đối với các lỗi liên quan đến sử dụng chất kích thích**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
| 1 | Điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở | điểm b, khoản 5, Điều 6 | 500.000 - 1 triệu đồng |
| 2 | Điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. | điểm e, khoản 6, Điều 6 | 2 - 3 triệu đồng |
| 3 | Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy | khoản 9, Điều 6 | Tước GPLX 24 tháng *(nếu có GPLX);* hoặc phạt tiền 2 - 3 triệu đồng *(nếu không có hoặc đang bị giữ GPLX)* |
| 4 | Không chấp hành yêu cầu kiểm tra chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ | điểm b, khoản 6, Điều 6 | 2 - 3 triệu đồng |